

QUẢNG NINH: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KH&CN ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN 2030 ĐÁP ỨNG YÊU CẦU MỚI

TẠ DUY THỊNH

Giám đốc Sở KH&CN Quảng Ninh

Với những yêu cầu mới, Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã được hoàn thiện và Hội đồng nhân dân tỉnh ra Nghị quyết thông qua (Nghị quyết số 135/NQ-HĐND). Quy hoạch phát triển KH&CN nhằm triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh, góp phần quan trọng xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh có mô hình KH&CN tiên tiến, đồng thời khắc phục những bất cập của Quy hoạch phát triển KH&CN giai đoạn trước.

Nước ta đang bước vào thời kỳ cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ phát triển theo chiều rộng (dựa chủ yếu vào vốn và lao động) sang phát triển theo chiều sâu (dựa vào KH&CN là chính), trong đó chú trọng đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ cao. Chiến lược phát triển KT-XH Việt Nam đến 2020 và các Quyết định mới đây của Thủ tướng Chính phủ về phát triển KH&CN nhằm đẩy mạnh hỗ trợ đổi mới, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp đã quy định cụ thể về đường hướng phát triển KH&CN, phát triển công nghệ cao phục vụ phát triển KT-XH của đất nước.

Trong xu thế phát triển KT-XH chung của cả nước, Quảng Ninh - một tỉnh có nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, thuận lợi cho phát triển đa ngành - cần quy hoạch, tổ chức sắp xếp lại các hoạt động KH&CN, tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp; thiết lập mô hình KH&CN tiên tiến theo tinh thần phát triển KT-XH dựa vào KH&CN, trong đó phát triển năng lực KH&CN của doanh nghiệp là trọng tâm và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong doanh nghiệp.

Giai đoạn vừa qua, Quảng Ninh đã nỗ lực, cố gắng phát huy các lợi thế, tiềm năng trên địa bàn tỉnh để xây dựng và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế từ năm 2010 đến nay có sự suy giảm (năm 2012 chỉ đạt 7,4%). Tỷ lệ đóng góp của KH&CN nói chung (TFP - năng suất các yếu tố tổng hợp) cho tăng trưởng GDP của tỉnh theo dự đoán ở mức cao hơn bình quân chung của cả nước, nhưng thấp hơn so với nhiều nước. Điều đó cho thấy, KH&CN phải trở thành khâu đột phá trong việc phát huy, khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để giải quyết

vấn đề tăng trưởng trong thời gian tới, đưa tốc độ tăng trưởng của tỉnh đạt 12-13% trong giai đoạn 2011-2020.

Thực trạng và thách thức về KH&CN của Quảng Ninh

Các tổ chức KH&CN: tỉnh có 7 đơn vị sự nghiệp KH&CN, 1 trường đại học, 9 trường cao đẳng; 27 phòng thử nghiệm, thí nghiệm đạt tiêu chuẩn LAS, VILAS (trong đó có 9 phòng VILAS, 11 phòng LAS do doanh nghiệp đầu tư, một số phòng thí nghiệm đã được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế). Trong thời gian qua, những cơ sở này đã có nhiều cố gắng và tham gia hiệu quả vào hoạt động R&D của Quảng Ninh.

Nhân lực KH&CN: theo số liệu thống kê, tính đến năm 2010, tỉnh có 40 TS, 723 ThS. Việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực KH&CN đã được các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh quan tâm. Trong những năm qua, tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, phổ biến kiến thức, văn bản pháp quy về KH&CN cho trên 1.000 lượt cán bộ về các lĩnh vực: quản lý công nghệ, chuyển giao công nghệ, quản lý sở hữu trí tuệ, nghiệp vụ hoạt động R&D, quản lý áp dụng ISO...

Tài chính cho KH&CN: kinh phí đầu tư cho hoạt động KH&CN của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2007-2011 có xu hướng ngày một tăng, nhưng chủ yếu là ngân sách tỉnh và đạt khoảng 0,5-0,6% GDP. Hàng năm, tỉnh đã dành khoảng 50-55% kinh phí sự nghiệp KH&CN cho hoạt động R&D. Các đề tài, dự án trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm 29,3%, lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 16,7%, lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn chiếm 20,7%, lĩnh vực điều



Lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh và Lãnh đạo Bộ KH&CN
thăm Techmart Quảng Ninh 2010

tra cơ bản và bảo vệ môi trường chiếm 33,3% tổng kinh phí hoạt động R&D.

Trình độ công nghệ trong sản xuất công nghiệp: theo Báo cáo Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, trình độ công nghệ của một số ngành công nghiệp chủ yếu tại Quảng Ninh được đánh giá như sau: *trình độ công nghệ ngành than* ở mức trung bình, đóng góp của công nghệ trong giá trị sản phẩm chưa cao; *ngành cơ khí:* đã đổi mới công nghệ và thiết bị cho các cơ sở cơ khí chế tạo, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao trong thiết kế, chế tạo, tạo dựng được một số thương hiệu có uy tín; *ngành vật liệu xây dựng* đạt mức trung bình khá; *ngành chế biến thực phẩm:* phần lớn các doanh nghiệp vẫn đang sử dụng các dây chuyền chưa được đổi mới, trừ các doanh nghiệp FDI, trình độ công nghệ ngành chế biến thủy sản đông lạnh ở mức trung bình; *ngành dệt may - da giày:* công nghệ dệt nhuộm chậm đổi mới và ở mức trung bình, ngành may mặc tương đối hiện đại, công nghệ sản xuất giày dép phổ biến ở mức trung bình và trung bình khá; *ngành điện:* công nghệ lò hơi đốt than phun, lò hơi tăng sôi tuần hoàn, nhà máy nhiệt điện do Trung Quốc thực hiện, các thiết bị còn thiếu đồng bộ, vận hành không thường xuyên, hiệu suất chưa cao (50%); *các ngành dịch vụ vận tải, thương mại, du lịch* còn thiếu các công nghệ quản lý kinh doanh, giải pháp kinh tế hiện đại (ứng dụng công nghệ thông tin, logistics, kinh tế ngành...).

Thách thức

Có thể thấy, việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất còn hạn chế; các ngành, lĩnh vực sản xuất còn thiếu các công nghệ sạch, thân môi trường; năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp còn yếu; thiếu nhiều nhà khoa học, cán bộ quản lý giỏi; đầu tư cho KH&CN trước 2011 còn thấp; doanh nghiệp chưa chú trọng nghiên cứu, đổi mới công nghệ; cơ chế chính sách hỗ trợ R&D, đổi mới công nghệ, hỗ trợ đào tạo nhân lực của tỉnh còn yếu. Cụ thể:

Về phát huy tiềm lực và cơ chế quản lý KH&CN: việc phân bổ kinh phí chủ yếu cho hoạt động nghiên cứu, chưa chú trọng đến hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp. Chưa có trung tâm nghiên cứu mạnh; các trường đại học ít nghiên cứu, phổ biến, chuyển giao công nghệ; chưa có nhiều doanh nghiệp có bộ phận R&D. Nhân lực KH&CN ít, thiếu cán bộ đủ năng lực làm việc tại các tổ chức KH&CN, thiếu cán bộ có trình độ cao; năng lực hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết các yếu kém về công nghệ, kỹ thuật chưa phát triển. Cơ sở vật chất, kỹ thuật còn yếu và thiếu, chưa hỗ trợ được nhiều hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

Về tình hình đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp: hoạt động đổi mới công nghệ, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong sản xuất còn yếu, tốc độ đổi mới công nghệ chậm. Nguồn kinh phí đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp trong tỉnh cũng ở mức rất thấp (trừ các tập đoàn, tổng công ty). Nhân lực KH&CN thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, thích nghi, làm chủ công nghệ trong các doanh nghiệp còn ít, do vậy hạn chế đến việc tiếp thu công nghệ tiên tiến chuyển giao cho doanh nghiệp, tìm kiếm công nghệ. Thách thức đặt ra là phải đẩy mạnh được việc tăng cường đầu tư và xúc tiến các hoạt động ứng dụng, đổi mới KH&CN từ phía doanh nghiệp; tạo ra cơ chế, chính sách ưu đãi phù hợp để phát triển mạnh các doanh nghiệp (giai đoạn khởi lập, ương tạo), đặc biệt là các doanh nghiệp thâm dụng công nghệ, doanh nghiệp các ngành nghề mới (công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ); thu hút FDI và quản lý có hiệu quả hoạt động này. Thách thức tiếp theo là việc nhanh chóng thu hút, đào tạo để sớm có đội ngũ nhân lực KH&CN có đủ trình độ, cơ cấu ngành nghề, năng lực thích hợp nhằm nâng cao được năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và tạo ra được bước đi đột phá trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh; nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác quản lý KH&CN, đặc biệt là quản trị công nghệ.

Một số nội dung chủ yếu của Quy hoạch phát triển KH&CN tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn 2030

Quan điểm phát triển KH&CN

1. Phát triển và ứng dụng KH&CN phục vụ trực tiếp, hiệu quả cho phát triển KT-XH của tỉnh, là nền tảng quan trọng cho việc chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế nhanh và bền vững; phát triển văn hóa - xã hội theo hướng hiện đại; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; đảm bảo quốc phòng, an ninh; nâng cao đời sống nhân dân. Đẩy mạnh phát triển KH&CN sẽ đưa Quảng Ninh trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu trong tăng trưởng KT-XH của vùng Đồng bằng sông Hồng.

2. Hoạt động KH&CN phải có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; tập trung hỗ trợ hoạt động công nghệ cao của tỉnh trong các lĩnh vực: công nghiệp, du lịch, dịch vụ và nông nghiệp. Tận dụng vị thế địa lý thuận lợi để phát triển KH&CN của tỉnh.

3. Phát triển nguồn nhân lực KH&CN phải đồng bộ giữa đào tạo, thu hút đội ngũ nhân lực KH&CN, đội ngũ công nhân lành nghề có trình độ, chất lượng và cơ cấu hợp lý cho các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp; phát triển hệ thống tổ chức KH&CN, hệ thống doanh nghiệp KH&CN để từng bước hình thành mô hình KH&CN tiên tiến của Quảng Ninh.

4. Phát triển KH&CN của Quảng Ninh dựa trên các nguồn lực của tỉnh, đồng thời tận dụng tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước. Đẩy mạnh FDI, liên kết công - tư (PPP), ODA để đầu tư cho KH&CN. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích sự tham gia của các thành phần trong xã hội, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ.

5. Phát triển KH&CN một cách đồng bộ giữa đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KH&CN, tập trung đầu tư trang thiết bị hiện đại cho các tổ chức nghiên cứu ứng dụng, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm đảm bảo đủ mạnh nhằm kiểm soát được các hoạt động về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và môi trường.

Mục tiêu phát triển KH&CN

Phấn đấu đưa KH&CN trở thành nền tảng và động lực then chốt trong tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, góp phần đảm bảo tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của tỉnh đạt 12-13% trong giai đoạn 2011-2020. Xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh tiên tiến trong vùng Đồng bằng sông Hồng về KH&CN vào năm 2020. Cụ thể, *đến năm 2015*: xây dựng 2 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tạo tiền đề hình thành mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các địa phương. Chuẩn bị hình thành khu công nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp KH&CN thuộc các ngành, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh. Hình thành khu sản xuất thực nghiệm, trình diễn và chuyển giao tiến bộ KH&CN. Nâng cấp các Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN; Trung tâm khoa học và sản xuất lâm nông nghiệp; Trung tâm khoa học và sản xuất giống thủy sản theo hướng hiện đại và có đủ năng lực đáp ứng theo yêu cầu của mô hình KH&CN tiên tiến. củng cố và nâng cao năng lực phân tích, kiểm định và thử nghiệm tập trung cho 3 lĩnh vực: phân tích, quan trắc môi trường; kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa; kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm đảm bảo các yêu cầu phục vụ chức năng quản lý nhà



nước trên địa bàn tỉnh. Thành lập trường đại học đào tạo đa ngành. Số doanh nghiệp sản xuất tiến hành hoạt động đổi mới công nghệ tăng trung bình 10%/năm; có 250-300 doanh nghiệp áp dụng thành công hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến năng suất chất lượng; có ít nhất 1 sản phẩm quốc gia; phấn đấu hình thành từ 4-5 doanh nghiệp KH&CN; xây dựng và phát triển thương hiệu cho 30 sản phẩm; hỗ trợ xác lập, khai thác và phát triển 250-300 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó có 10-15 sáng chế; quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật đối với 80% số sản phẩm hàng hóa có khả năng gây mất an toàn, vệ sinh, ô nhiễm môi trường. Phấn đấu nâng giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 40% giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Hoàn thành cơ bản việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước theo mô hình chính quyền điện tử. *Đến năm 2020*, xây dựng 4-5 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hoàn thiện 2 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hình thành 4-5 vùng chuyên canh ứng dụng công nghệ cao. Hình thành khu công nghiệp công nghệ cao Quảng Ninh; hình thành 4-5 doanh nghiệp công nghệ cao. Hoàn thiện các cơ sở nghiên cứu, dịch vụ KH&CN của trường đại học đào tạo đa ngành. Nâng số cán bộ R&D lên 10-11 người/1 vạn dân. Phấn đấu nâng giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 45% giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Số doanh nghiệp sản xuất tiến hành hoạt động đổi mới công nghệ tăng trung bình 15%/năm. Có 500-600 doanh nghiệp áp dụng thành công hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến năng suất chất lượng. Quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật đối với 100% số sản phẩm hàng hóa có khả năng gây mất an toàn, vệ sinh, ô nhiễm môi trường. Phấn đấu có ít nhất 2 sản phẩm quốc gia; xây dựng và phát triển thương hiệu cho 70 sản phẩm; hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho 700-800 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó có tối thiểu 50 sáng chế. Tăng gấp đôi số lượng sáng chế, sáng kiến, kết quả đề tài được áp dụng vào thực tế so với 2015. Hoàn thành việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước theo mô hình chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh. *Đến*



Trung tâm Khoa học kỹ thuật và sản xuất giống thủy sản Quảng Ninh ứng dụng KH&CN sản xuất thành công giống cá đối mực, tạo ra một đối tượng nuôi mới tại Quảng Ninh

năm 2030, các doanh nghiệp của tỉnh có năng lực thiết kế các sản phẩm mới, công nghệ mới mang thương hiệu Quảng Ninh. Hệ thống các tổ chức KH&CN của tỉnh có năng lực hỗ trợ các tổ chức KH&CN của doanh nghiệp làm chủ, thích nghi công nghệ mới; tiến hành các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm; thiết kế công nghệ mới, sản phẩm mới; sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa các sản phẩm và công nghệ mới.

Giải pháp thực hiện

Quy hoạch đưa ra các giải pháp thực hiện trên cơ sở bám sát vào mục tiêu và các nội dung đã được đề ra nhằm đảm bảo hỗ trợ và là công cụ để triển khai trong quá trình thực hiện Quy hoạch. Theo đó, các chính sách, cơ chế hỗ trợ được xác định tới đối tượng có hoạt động KH&CN, gồm các nhóm giải pháp: 1. Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của KH&CN; 2. Bố trí nguồn lực đầu tư cho KH&CN; 3. Xây dựng cơ chế đặc biệt tạo nguồn đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng KH&CN và thu hút, sử dụng, đào tạo nhân lực KH&CN; 4. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức và quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn tỉnh; 5. Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong quy hoạch phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh; 6. Xây dựng cơ chế hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và huy động nguồn lực của doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN; 7. Xây dựng các cụm phát triển và tạo mối liên kết ngành trong quy hoạch KH&CN.

Kết luận

Quy hoạch phát triển KH&CN tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn 2030 được thực hiện theo quan điểm và cách tiếp cận Hệ thống đổi mới. Theo đó, phát triển đội ngũ doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp là trọng tâm. Cùng với yếu tố doanh nghiệp, các yếu tố nhà nước (tỉnh) và tổ chức KH&CN đã được làm rõ trong mô hình phát triển KH&CN tiên tiến nhằm khai thác tối đa tiềm năng đa dạng và các thế mạnh nổi trội của Quảng Ninh. Quy hoạch cũng được xây dựng trên cơ sở lựa chọn phương án phát

triển mang tính đột phá của tỉnh, trong đó có tính đến kinh nghiệm quốc tế và thể hiện ý chí của Lãnh đạo tỉnh. Nội dung của Quy hoạch phát triển KH&CN tỉnh Quảng Ninh được xây dựng trên cơ sở đánh giá, phân tích bối cảnh quốc tế, trong nước, vùng Đồng bằng sông Hồng; thực trạng, tiềm năng, thế mạnh, cơ hội, thách thức trong phát triển KT-XH của Quảng Ninh. Qua đó, làm rõ những nhiệm vụ chủ yếu phát triển kinh tế trong thời gian tới (công nghiệp sạch, công nghệ cao; du lịch, công nghiệp giải trí; dịch vụ hiện đại, thương mại quốc tế, biên mậu; nông nghiệp sinh thái, kinh tế biển) và xác định các trọng tâm cần phát triển của các vùng theo thế mạnh của từng vùng lãnh thổ tỉnh Quảng Ninh (tâm và tuyến phát triển kinh tế; khu hành chính - kinh tế đặc biệt).

Quy hoạch đã xem xét và lựa chọn đề xuất mô hình KH&CN tiên tiến áp dụng cho phát triển KH&CN tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, giai đoạn đến năm 2015 tập trung cho hỗ trợ khu vực doanh nghiệp hiện đại hóa công nghệ và sản phẩm có lợi thế nhằm tạo ra những mặt hàng xuất khẩu chủ lực mang thương hiệu Quảng Ninh, tạo giá trị gia tăng lớn đóng góp cho mục tiêu tăng GDP/đầu người; giai đoạn 2016-2020 và 2021-2030 tập trung nâng cao năng lực sáng tạo công nghệ, tạo các cụm liên kết phát triển theo không gian để bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ, hữu cơ giữa các thành tố của hệ thống KT-XH, KH&CN trên địa bàn tỉnh. Việc bố trí không gian các tổ chức KH&CN đã được thực hiện theo các khu vực KT-XH của vùng lãnh thổ tỉnh Quảng Ninh.

Với nhiều tiềm năng, lợi thế về vị trí địa kinh tế, địa chính trị, du lịch sinh thái..., Quảng Ninh hoàn toàn có điều kiện, khả năng và cơ hội để thực hiện thành công các mục tiêu của Quy hoạch phát triển KH&CN đến 2020, tầm nhìn 2030. Để có thể thực hiện mô hình KH&CN tiên tiến và đột phá về phát triển KT-XH, tỉnh Quảng Ninh cần sớm xây dựng cơ chế đặc thù trong huy động, phân bổ và sử dụng đầu tư tài chính để nhanh chóng xây dựng kết cấu hạ tầng KH&CN đồng bộ, đồng thời thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo cán bộ KH&CN làm việc tại các tổ chức KH&CN, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; cải cách các thủ tục hành chính để tạo môi trường thuận lợi cho phát triển KH&CN; tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương; sự hợp tác, liên kết phát triển của các địa phương trong vùng, cả nước và quốc tế. Bên cạnh đó, ý chí quyết tâm của Lãnh đạo tỉnh là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho Quảng Ninh có bước phát triển đột phá. Cơ chế bảo đảm sự đồng tâm, hiệp lực và phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà KH&CN và các nhà doanh nghiệp là “chìa khóa” để huy động các nguồn lực và thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án KH&CN nhằm nâng cao giá trị đóng góp vượt bậc của KH&CN vào tăng trưởng kinh tế của Quảng Ninh.